

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 31

1026
CỔ
KIỂM
V
VH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Huy Đạt	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Cảnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên
Ông Tạ Văn Sơn	Ủy viên
Bà Lại Thị Vinh	Ủy viên
Bà Vũ Thị Lương Dung	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Hữu Cảnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Quyền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/10/2025)
Bà Vũ Thị Lương Dung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/10/2025)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Huy Đạt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Đỗ Huy Đạt đã ủy quyền cho Ông Lê Hữu Cảnh - Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 08/GUQ- DNC ngày 07 tháng 4 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hữu Cảnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Số: 044 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09 tháng 3 năm 2026, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Phương Lan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2026



Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		156.076.908.632	113.460.963.189
I. Tiền	110		27.539.108.948	20.631.732.678
1. Tiền	111	5	27.539.108.948	20.631.732.678
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		34.888.845.888	8.845.622.953
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	23.251.769.373	9.886.685.075
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6	-	(1.565.127.875)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	11.637.076.515	524.065.753
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.504.668.184	65.484.182.496
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	55.451.353.672	38.978.261.330
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		848.992.745	1.266.471.233
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	23.204.321.767	25.239.449.933
IV. Hàng tồn kho	140	10	12.675.799.355	16.415.521.396
1. Hàng tồn kho	141		12.841.672.314	16.581.394.355
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(165.872.959)	(165.872.959)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.468.486.257	2.083.903.666
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.085.842.180	1.979.663.268
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		304.509.133	23.578.547
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	78.134.944	80.661.851
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		97.963.957.066	89.279.966.536
I. Tài sản cố định	220		62.547.359.307	59.744.826.839
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	57.627.187.607	54.483.895.133
- Nguyên giá	222		147.212.066.505	134.731.835.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.584.878.898)	(80.247.940.292)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	4.920.171.700	5.260.931.706
- Nguyên giá	228		6.148.179.248	6.148.179.248
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.228.007.548)	(887.247.542)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		38.636.155	382.687.445
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		38.636.155	382.687.445
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	3.592.670.397
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	4.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(407.329.603)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		35.377.961.604	25.559.781.855
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	35.377.961.604	25.559.781.855
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		254.040.865.698	202.740.929.725

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		93.267.606.958	69.478.793.392
I. Nợ ngắn hạn	310		91.624.162.416	68.789.408.743
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	54.708.770.300	32.452.539.773
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.134.934.906	473.797.398
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	9.951.779.845	3.129.243.900
4. Phải trả người lao động	314		1.059.252.957	906.818.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	14.377.888.915	11.334.582.676
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	8.115.746.005	4.403.248.460
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		280.000.000	14.456.096.582
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.995.789.488	1.633.081.654
II. Nợ dài hạn	330		1.643.444.542	689.384.649
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.643.444.542	689.384.649
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.773.258.740	133.262.136.333
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	160.773.258.740	133.262.136.333
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.346.810.000	80.277.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.346.810.000	80.277.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		557.368.590	557.368.590
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		713.858.604	713.858.604
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.205.221.546	51.763.109.139
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.626.433.700	17.741.254.467
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		55.578.787.846	34.021.854.672
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		254.040.865.698	202.740.929.725



Nguyễn Thị Lý
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 09 tháng 3 năm 2026



Mai Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.132.865.358.118	937.408.787.887
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	20	1.132.865.358.118	937.408.787.887
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	1.038.832.954.666	860.603.511.162
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		94.032.403.452	76.805.276.725
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	991.618.454	1.656.053.081
6. Chi phí tài chính	22	23	(738.284.872)	2.144.598.839
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		371.619.257	512.865.385
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	25.770.751.504	23.225.477.877
8. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		69.991.555.274	53.091.253.090
9. Thu nhập khác	31		1.175.786.006	473.901.526
10. Chi phí khác	32		1.065.834.944	371.023.298
11. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40	26	109.951.062	102.878.228
12. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		70.101.506.336	53.194.131.318
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	13.568.658.597	10.522.739.007
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	954.059.893	530.848.548
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		55.578.787.846	42.140.543.763
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	5.548	4.399



Nguyễn Thị Lý
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 09 tháng 3 năm 2026



Mai Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	70.101.506.336	53.194.131.318
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	9.773.754.167	8.415.006.551
- Các khoản dự phòng	03	(1.135.673.194)	1.631.733.454
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(209.968.709)	(57.804.537)
- Chi phí lãi vay	06	371.619.257	512.865.385
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08	78.901.237.857	63.695.932.171
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	(14.152.831.547)	(11.533.652.670)
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	(6.449.729.402)	(5.529.070.342)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	40.169.212.295	4.656.985.652
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	(8.113.476.111)	(10.019.618.329)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(13.365.084.298)	5.596.857.253
- Tiền lãi vay đã trả	14	(379.059.548)	(614.359.280)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.676.260.249)	(11.479.694.501)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.630.681.405)	(4.228.858.088)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	63.303.327.592	30.544.521.866
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.259.694.383)	(14.489.072.363)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(16.113.010.762)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	30.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.862.919.200	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	64.207.405	53.764.205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.445.578.540)	(14.405.308.158)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	91.322.009.694	87.584.768.823
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(104.198.106.276)	(81.693.978.255)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.074.276.200)	(17.661.165.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(34.950.372.782)	(11.770.374.432)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	6.907.376.270	4.368.839.276
Tiền đầu năm	60	20.631.732.678	16.262.893.402
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	27.539.108.948	20.631.732.678

Nguyễn Thị Lý
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Mai Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Lê Hữu Cảnh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn theo Quyết định số 1390/QĐ-UB ngày 01 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21 tháng 10 năm 2005, sửa đổi lần thứ 19 số 0200155561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 8 năm 2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 19 ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Công ty là 100.346.810.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 159 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 165 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép các khung tiền chế, kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt máy các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình viễn thông, thủy lợi, đê kè, cầu cống; Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước; Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế 220KV, cầu tàu, bến cảng, cầu cống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị và công nghiệp, công trình cầu tàu, bến cảng;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Phân phối nước sạch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, danh sách các chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề chính
I	Chi nhánh phụ thuộc		
1	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Hạ Long	Ki-ốt C238, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	Truyền tải và phân phối điện Phân phối nước sạch
2	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Ecopark Hải Dương	Tầng 3, Tòa nhà Minh Anh Plaza, Số 76-80, Phố Trần Hưng Đạo, Phường Hải Dương, TP Hải Phòng	Truyền tải và phân phối điện
3	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Ecopark Hưng Yên	Tầng 1, Tòa nhà A3, Khu đô thị Thương Mại Du lịch Văn Giang, Xã Phụng Công, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Truyền tải và phân phối điện
4	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Nghệ An	TG1-16/LK53-18, Khu đô thị Eco Central Park, Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	Truyền tải và phân phối điện

Trong năm, Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Phú Quốc đã ngừng hoạt động theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 8 năm 2025 về việc chấm dứt hoạt động, hiện tại Công ty đang trong quá trình giải thể Chi nhánh.

Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long - Công ty liên kết đã chính thức giải thể từ ngày 27 tháng 11 năm 2025 theo Thông báo số 37692/25 về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại của Phòng quản lý doanh nghiệp trực thuộc Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các khoản thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên việc đánh giá về khả năng thu hồi được của những khoản nợ phải thu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó: Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất (Công ty không thực hiện trích khấu hao do quyền sử dụng đất là lâu dài) và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng Công ty tại 34 Thiên Lôi và các chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá ba năm. Riêng với công tơ điện tử đo xa, Công ty thực hiện phân bổ với thời gian là 6 năm theo chu kỳ kiểm định của công tơ đo xa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả chi phí đi vay đều được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng và Hội đồng Quản trị Công ty	Lãnh đạo chủ chốt

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	505.023.427	341.119.202
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.034.085.521	20.290.613.476
Cộng	27.539.108.948	20.631.732.678

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Mã CP: VCG	-	-	9.886.685.075	(1.565.127.875)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng - Chứng chỉ tiền gửi (i)	23.251.769.373	-	-	-
Cộng	23.251.769.373	-	9.886.685.075	(1.565.127.875)

Ghi chú:

- (i) Phản ánh các khoản chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng do Công ty sở hữu với mục đích kinh doanh.

7. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	11.637.076.515	-	524.065.753	-
Cộng	11.637.076.515	-	524.065.753	-

Ghi chú:

- (i) Phản ánh khoản tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại cổ phần có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 4,2% đến 7,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các hộ dân tại An Dương	12.179.752.713	14.443.922.179
Chi nhánh Điện Ecopark Hưng Yên	24.520.110.919	8.860.441.848
Các hộ dân tại Hạ Long	5.346.076.249	2.967.462.007
Các hộ dân tại Thủy Nguyên	4.376.504.804	6.742.539.123
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đường bao phía Đông Nam quận Hải An	3.649.560.792	136.510.511
Các đối tượng khác	5.379.348.195	5.827.385.662
Cộng	55.451.353.672	38.978.261.330

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu tiền điện, nước tạm tính (i)	14.742.475.241	-	13.902.999.994	-
Tạm ứng	8.205.686.458	-	10.169.568.400	-
Khoản ký quỹ, ký cược	96.045.455	-	266.972.455	-
Phải thu khác	160.114.613	-	899.909.084	-
Lãi cho vay phải thu	150.098.152	-	4.040.332	-
Phải thu khác	10.016.461	-	895.868.752	-
Cộng	23.204.321.767	-	25.239.449.933	-

Ghi chú:

- (i) Phải thu khác tương ứng doanh thu tiền điện, nước tạm tính kể từ ngày chốt công tơ kỳ cuối đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.085.628.843	(165.872.959)	8.674.874.460	(165.872.959)
Công cụ dụng cụ	205.310.824	-	236.582.136	-
Chi phí SXKD dở dang	2.550.732.647	-	7.669.937.759	-
Cộng	12.841.672.314	(165.872.959)	16.581.394.355	(165.872.959)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	1.085.842.180	1.979.663.268
Công cụ dụng cụ xuất dùng	711.887.033	535.791.828
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	373.955.147	1.443.871.440
Dài hạn	35.377.961.604	25.559.781.855
Công cụ dụng cụ xuất dùng (i)	34.183.615.915	21.867.974.248
Chi phí sửa chữa lưới điện, hệ thống nước	386.075.821	1.838.915.109
Chi phí trả trước dài hạn khác	808.269.868	1.852.892.498
Cộng	36.463.803.784	27.539.445.123

Ghi chú:

- (i) Công cụ dụng cụ xuất dùng chủ yếu là giá trị công tơ điện từ đo xa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	16.144.102.420	109.860.790.164	8.556.690.591	170.252.250	134.731.835.425
Mua trong năm	-	12.606.897.746	-	-	12.606.897.746
Giảm khác	-	(126.666.666)	-	-	(126.666.666)
Số cuối năm	16.144.102.420	122.341.021.244	8.556.690.591	170.252.250	147.212.066.505
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	5.999.501.361	69.051.303.476	5.026.883.205	170.252.250	80.247.940.292
Khấu hao trong năm	1.074.024.127	7.556.574.750	802.395.284	-	9.432.994.161
Giảm khác	-	(96.055.555)	-	-	(96.055.555)
Số cuối năm	7.073.525.488	76.511.822.671	5.829.278.489	170.252.250	89.584.878.898
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	10.144.601.059	40.809.486.688	3.529.807.386	-	54.483.895.133
Số cuối năm	9.070.576.932	45.829.198.573	2.727.412.102	-	57.627.187.607

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 53.017.097.637 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 42.971.792.845 VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	4.086.629.248	2.061.550.000	6.148.179.248
Số cuối năm	4.086.629.248	2.061.550.000	6.148.179.248
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	-	887.247.542	887.247.542
Khấu hao trong năm	-	340.760.006	340.760.006
Số cuối năm	-	1.228.007.548	1.228.007.548
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	4.086.629.248	1.174.302.458	5.260.931.706
Số cuối năm	4.086.629.248	833.542.452	4.920.171.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực An Dương	9.301.110.792	9.301.110.792	4.284.795.060	4.284.795.060
Công ty Điện lực Hưng Yên - Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	18.003.519.422	18.003.519.422	15.397.472.401	15.397.472.401
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Vĩnh Bảo	7.502.141.566	7.502.141.566	2.475.209.971	2.475.209.971
Công ty TNHH Xây lắp và Thiết bị điện Nhật Nam	4.373.162.842	4.373.162.842	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Thủy Nguyên	4.081.923.265	4.081.923.265	3.318.420.350	3.318.420.350
Các đối tượng khác	11.446.912.413	11.446.912.413	6.976.641.991	6.976.641.991
Cộng	54.708.770.300	54.708.770.300	32.452.539.773	32.452.539.773

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	81.659.723	9.666.022.720	8.628.274.867	1.119.407.576
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.929.358.624	13.568.658.597	7.676.260.249	8.821.756.972
Thuế thu nhập cá nhân	118.225.553	2.642.410.680	2.750.020.936	10.615.297
Tiền thuê đất	-	706.919.460	706.919.460	-
Các loại thuế khác	-	35.510.775	35.510.775	-
Cộng	3.129.243.900	26.619.522.232	19.796.986.287	9.951.779.845
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	80.661.851	-	2.526.907	78.134.944
Cộng	80.661.851	-	2.526.907	78.134.944

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước tiền lương tháng 13, tiền thưởng	5.934.049.742	2.936.109.854
Trích trước tiền điện, tiền nước đầu nguồn	7.731.301.140	7.658.807.786
Các khoản khác	712.538.033	739.665.036
Cộng	14.377.888.915	11.334.582.676

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả đội thi công công trình đường bao Đông nam Hải An	2.318.586.370	1.887.698.148
Phải trả Ông Trần Ngọc Hải tiền nộp các công trình xây dựng	968.696.801	1.037.010.074
Ký quỹ hợp đồng mua bán điện	3.124.679.906	747.143.243
Các khoản phải trả khác	1.703.782.928	731.396.995
Cộng	8.115.746.005	4.403.248.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	64.222.580.000	(50.000.000)	713.858.604	557.368.590	48.001.106.291	113.444.913.485
Lãi trong năm	-	-	-	-	42.140.543.763	42.140.543.763
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.727.502.827)	(1.727.502.827)
Tăng vốn trong năm	16.055.220.000	-	-	-	(16.055.220.000)	-
Chia cổ tức đợt 2 năm 2023	-	-	-	-	(9.633.385.000)	(9.633.385.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024	-	-	-	-	(8.027.780.000)	(8.027.780.000)
Phân chia lợi nhuận liên danh	-	-	-	-	(2.934.653.088)	(2.934.653.088)
Số dư đầu năm nay	80.277.800.000	(50.000.000)	713.858.604	557.368.590	51.763.109.139	133.262.136.333
Lãi trong năm	-	-	-	-	55.578.787.846	55.578.787.846
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	-	(1.907.155.853)	(1.907.155.853)
Tăng vốn trong năm (iii)	20.069.010.000	-	-	-	(20.069.010.000)	-
Chia cổ tức đợt 2 năm 2024 (i)	-	-	-	-	(12.039.595.200)	(12.039.595.200)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 (ii)	-	-	-	-	(10.034.681.000)	(10.034.681.000)
Phân chia lợi nhuận liên danh (i)	-	-	-	-	(4.086.233.386)	(4.086.233.386)
Số dư cuối năm nay	100.346.810.000	(50.000.000)	713.858.604	557.368.590	59.205.221.546	160.773.258.740

Ghi chú:

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-DHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2025 thông qua phương án phân phối lợi nhuận, phân chia cổ tức năm 2024 trong kỳ này.

Cụ thể như sau:

- Phân phối cổ tức từ lợi nhuận giữ lại năm 2024 (đợt 2): 25% vốn điều lệ, tương đương 20.069.010.000 VND.
- Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 thành 02 đợt; đợt 1 là 10% vốn tương ứng với số tiền 8.027.780.000 VND; đợt 2 là 15% vốn tương ứng với số tiền 12.039.595.000 VND.
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 5%: 1.907.155.829 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Ghi chú (Tiếp theo):

- Chia lợi nhuận cho các bên tham gia liên danh và hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

Công ty	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark	3.793.024.609
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP	150.705.921
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng	51.593.765
Cộng	3.995.324.295

Ngoài ra, trong năm Công ty đã chia lợi nhuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thương mại số tiền 90.909.091 VND, số tiền này là cố định hàng kỳ và không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty.

- (ii) Thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2025 (đợt 1) theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 8 năm 2025
- (iii) Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2025 về việc phát hành bổ sung 2.006.901 cổ phần để trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty, mệnh giá của 01 cổ phần là 10.000 VND. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã quyết định chấp thuận việc niêm yết bổ sung 2.006.901 cổ phiếu phổ thông theo Quyết định số 1041/QĐ-SGDHN ngày 28 tháng 8 năm 2025, tổng giá trị đã phát hành là 20.069.010.000 VND.

Trong năm, số cổ tức đã thực tế chi trả cho chủ sở hữu là 22.074.276.200 VND.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	100.346.810.000	80.277.800.000
Cộng	100.346.810.000	80.277.800.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	80.277.800.000	64.222.580.000
- Vốn góp tăng trong năm	20.069.010.000	16.055.220.000
- Vốn góp cuối năm	100.346.810.000	80.277.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	42.143.286.200	33.716.385.000

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.034.681	8.027.780
- Cổ phiếu phổ thông	10.034.681	8.027.780
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.034.681	8.027.780
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Đối tượng nợ khó đòi đã xử lý		
Ban Quản lý xã Tam Đa - Công trình đường ống nước xã Tam Đa (Hải)	306.598.000	306.598.000
Hải-Tư (Thu lãi vay Công trình - Bệnh viện Việt Tiệp 2)	143.538.776	143.538.776
Cộng	450.136.776	450.136.776

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán điện	1.079.340.460.486	912.123.545.184
Doanh thu bán nước	18.222.823.552	17.425.584.381
Doanh thu khác	35.302.074.080	7.859.658.322
Cộng	1.132.865.358.118	937.408.787.887

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ bán điện	986.490.599.491	841.300.577.838
Giá vốn của dịch vụ bán nước	16.481.892.409	16.650.903.527
Giá vốn của dịch vụ khác	35.860.462.766	2.652.029.797
Cộng	1.038.832.954.666	860.603.511.162

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi từ hoạt động chứng khoán kinh doanh	781.353.229	1.598.248.544
Lãi tiền gửi, cho vay	210.265.225	57.804.537
Cộng	991.618.454	1.656.053.081

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng	(1.135.673.194)	1.631.733.454
Chi phí lãi vay	371.619.257	512.865.385
Khác	25.769.065	-
Cộng	(738.284.872)	2.144.598.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	19.279.415.459	16.501.125.890
Chi phí nhân công	45.381.923.761	39.217.847.548
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.039.203.183	9.028.768.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.366.307.206	19.374.064.198
Chi phí khác bằng tiền	11.456.709.559	11.969.684.459
Cộng	124.523.559.168	96.091.490.381

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	17.320.087.703	12.878.228.341
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.207.812.260	1.484.262.176
Thuế, phí và lệ phí	737.430.235	633.893.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	820.316.185	795.460.531
Các khoản chi phí QLDN khác	5.685.105.121	7.433.633.258
Cộng	25.770.751.504	23.225.477.877

26. LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập khác	1.175.786.006	473.901.526
Thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	938.198.037	-
Khác	237.587.969	473.901.526
Chi phí khác	1.065.834.944	371.023.298
Chi phí hoàn thiện văn phòng Chi nhánh Phú Quốc	765.889.806	-
Chi thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	207.214.516	-
Khác	92.730.622	371.023.298
Lợi nhuận từ hoạt động khác	109.951.062	102.878.228

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	70.101.506.336	53.194.131.318
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(2.258.213.351)	(580.436.281)
Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế	2.512.086.116	2.073.806.459
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	2.512.086.116	2.073.806.459
Điều chỉnh giảm cho thu nhập chịu thuế	4.770.299.467	2.654.242.740
- Chênh lệch phân bổ chi phí trả trước	4.770.299.467	2.654.242.740
Thu nhập chịu thuế	67.843.292.985	52.613.695.037
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.568.658.597	10.522.739.007
Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	13.568.658.597	10.522.739.007

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên chênh lệch giữa thu nhập tính thuế và thu nhập kế toán là 2.512.086.116 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chênh lệch phân bổ chi phí trả trước	4.770.299.467	2.654.242.740
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	954.059.893	530.848.548

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	55.578.787.846	42.140.543.763
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	90.909.091	1.998.064.944
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	1.907.155.853
- Chia lãi liên danh (i)	90.909.091	90.909.091
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	55.669.696.937	44.138.608.707
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (ii)	10.034.681	10.034.681
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.548	4.399
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Công ty chưa có phương án cụ thể cho việc phân phối lợi nhuận năm 2025, việc trích lập các quỹ sẽ thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2026.

Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm trước được trình bày lại do các nguyên nhân sau:

- (i) Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và lãi liên danh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2025.
- (ii) Công ty phát hành 2.006.901 cổ phiếu để trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Quyết định số 1041/QĐ-SGDHN ngày 28 tháng 8 năm 2025.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trên Báo cáo năm 2024 là 6.084 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	280.000.000	14.456.096.582
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(27.539.108.948)	(20.631.732.678)
Nợ thuần	(27.259.108.948)	(6.175.636.096)
Vốn chủ sở hữu	160.773.258.740	133.262.136.333
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.539.108.948	20.631.732.678
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.655.675.439	64.217.711.263
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.637.076.515	524.065.753
Chứng khoán kinh doanh	23.251.769.373	8.321.557.200
Đầu tư tài chính dài hạn	-	3.592.670.397
Tổng cộng	141.083.630.275	97.287.737.291
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	62.824.516.305	36.855.788.233
Chi phí phải trả	14.377.888.915	11.334.582.676
Vay và nợ thuê tài chính	280.000.000	14.456.096.582
Tổng cộng	77.482.405.220	62.646.467.491

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND		VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.539.108.948	-	-	27.539.108.948
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.655.675.439	-	-	78.655.675.439
Chứng khoán kinh doanh	23.251.769.373	-	-	23.251.769.373
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.637.076.515	-	-	11.637.076.515
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	141.083.630.275	-	-	141.083.630.275
Số cuối năm				
Phải trả người bán và phải trả khác	62.824.516.305	-	-	62.824.516.305
Chi phí phải trả	14.377.888.915	-	-	14.377.888.915
Vay và nợ thuê tài chính	280.000.000	-	-	280.000.000
Tổng cộng	77.482.405.220	-	-	77.482.405.220
Chênh lệch thanh khoản thuần	63.601.225.055	-	-	63.601.225.055
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.631.732.678	-	-	20.631.732.678
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.217.711.263	-	-	64.217.711.263
Chứng khoán kinh doanh	8.321.557.200	-	-	8.321.557.200
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	524.065.753	-	-	524.065.753
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	3.592.670.397	3.592.670.397
Tổng cộng	93.695.066.894	-	3.592.670.397	97.287.737.291
Số đầu năm				
Phải trả người bán và phải trả khác	36.855.788.233	-	-	36.855.788.233
Chi phí phải trả	11.334.582.676	-	-	11.334.582.676
Vay và nợ thuê tài chính	14.456.096.582	-	-	14.456.096.582
Tổng cộng	62.646.467.491	-	-	62.646.467.491
Chênh lệch thanh khoản thuần	31.048.599.403	-	3.592.670.397	34.641.269.800

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương, thưởng	6.995.529.054	6.555.068.094
Ông Đỗ Huy Đạt	1.024.320.000	946.840.000
Ông Lê Hữu Cảnh	1.411.132.500	1.585.229.077
Ông Nguyễn Trung Kiên	279.000.000	256.500.000
Bà Vũ Thị Lương Dung	872.722.788	842.733.969
Ông Tạ Văn Sơn	292.000.000	269.500.000
Ông Ngô Quyền	488.520.500	-
Ông Nguyễn Văn Thao	887.553.619	924.217.385
Bà Lại Thị Vinh	224.050.000	213.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	616.244.362	605.123.012
Bà Dương Thị Thùy Linh	147.000.000	137.500.000
Bà Mai Thị Thanh Hà	752.985.285	774.424.651
	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức được nhận từ Công ty	16.139.587.000	12.582.245.500
Ông Đỗ Huy Đạt	5.608.280.500	4.431.599.000
Ông Lê Hữu Cảnh	2.739.395.500	2.191.317.500
Ông Nguyễn Trung Kiên	6.572.907.000	4.785.525.000
Bà Vũ Thị Lương Dung	717.430.500	586.685.000
Ông Tạ Văn Sơn	102.585.500	81.526.000
Ông Ngô Quyền	38.155.500	-
Ông Nguyễn Văn Thao	25.200.000	214.940.000
Bà Lại Thị Vinh	167.997.000	134.398.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	164.305.500	98.985.000
Bà Mai Thị Thanh Hà	3.330.000	57.270.000

32. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực miền Bắc nên Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được trình bày là bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty, bao gồm lĩnh vực kinh doanh cung cấp điện, nước và xây dựng.

Kết quả bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. THÔNG TIN BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Dưới đây là phân tích doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh:

	Lĩnh vực kinh doanh điện	Lĩnh vực kinh doanh nước	Lĩnh vực khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.079.340.460.486	18.222.823.552	35.302.074.080	1.132.865.358.118
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.079.340.460.486	18.222.823.552	35.302.074.080	1.132.865.358.118
Giá vốn bộ phận	986.490.599.491	16.481.892.409	35.860.462.766	1.038.832.954.666
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	92.849.860.995	1.740.931.143	(558.388.686)	94.032.403.452
	Lĩnh vực kinh doanh điện	Lĩnh vực kinh doanh nước	Lĩnh vực khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	912.123.545.184	17.425.584.381	7.859.658.322	937.408.787.887
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	912.123.545.184	17.425.584.381	7.859.658.322	937.408.787.887
Giá vốn bộ phận	841.300.577.838	16.650.903.527	2.652.029.797	860.603.511.162
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	70.822.967.346	774.680.854	5.207.628.525	76.805.276.725

33. THÔNG TIN KHÁC

Trong năm, Công ty tham gia vào các hợp đồng liên danh và hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:

- Hợp đồng Liên danh Quản lý và Kinh doanh điện tại Khu đô thị Cựu Viên, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng số 10/2008/ĐN-XDDT ngày 08 tháng 3 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP hợp tác khai thác và kinh doanh điện năng tại Khu đô thị Cựu Viên, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; Tài sản khai thác là Hệ thống đường dây và Trạm biến áp đã được xây dựng xong tại địa điểm trên do Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP là Chủ đầu tư; Thời gian hợp tác kể từ khi công trình hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng; Nguồn vốn tối thiểu là 200.000.000 VND, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phân chia cho các bên theo tỷ lệ đóng góp; Phương thức thực hiện bằng cách thành lập Ban Quản lý điện, hạch toán báo sổ về Công ty.
- Hợp đồng Liên danh về việc Quản lý và Kinh doanh điện với Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng số 1208/HĐLD ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại Khu dự án “Đầu tư Xây dựng nhà ở trên diện tích hành lang và thân đê đôi ra do kiên cố hóa đê để tạo vốn thực hiện dự án đầu tư thí điểm kiên cố hóa đê, kè bờ hữu sông Lạch Tray” (Đoạn từ Km 34+600 đến Km 35+950); Tài sản khai thác là Hệ thống điện hạ thế và tủ điện đã được xây dựng xong tại địa bàn nói trên thuộc địa bàn phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng do Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng làm Chủ đầu tư; Thời gian hợp tác tính theo thời hạn có hiệu lực của Giấy phép hoạt động điện lực do Sở Công thương thành phố Hải Phòng cấp thay cho Giấy phép hoạt động điện lực số 151 ngày 14 tháng 9 năm 2011 của Cục Điều tiết Điện lực; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phân chia cho các bên theo tỷ lệ đóng góp; Thành lập Ban Quản lý điện do Công ty trực tiếp điều hành và hạch toán báo sổ về Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2020/HĐHTKD/HLC-HP ngày 30 tháng 3 năm 2019 với Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long tại “Dự án Sun Premier Village Ha Long Bay” và “Dự án Sun Plaza Grand World”. Theo hợp đồng, Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống 12 trạm biến áp tổng công suất 20.110 KVA, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối), hệ thống cung cấp nước sạch; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0819/HĐHTKD ngày 16 tháng 8 năm 2019 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thương mại về việc kinh doanh bán điện tại đợt 1 (7,3 ha) thuộc giai đoạn 1 dự án Khu đô thị nổi đường Lạch Tray với đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 trên địa bàn phường Đông Hải, phường Dư Hàng Kênh thuộc quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Thời hạn của hợp đồng từ tháng 8 năm 2019 đến khi Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng không còn được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực. Công ty phải phân chia lợi nhuận cho đối tác theo thỏa thuận.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1001/HĐHTKD/ECOPARKHD-HP ngày 10 tháng 01 năm 2020 với Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương tại dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecorivers). Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương kinh doanh bằng tài sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống 21 trạm biến áp tổng công suất 35.000 KVA, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối, công tơ đo đếm điện); hệ thống điện chiếu sáng; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận. Trong quá trình kinh doanh, trường hợp phát sinh lỗ, Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng cam kết tự chịu chi phí để bù lỗ và được hạch toán chuyển lỗ năm sau.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark theo Hợp đồng số 201/HĐHTKD/ECOPARK-DNC ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại Khu đô thị Thương mại và Du lịch Văn Giang (Ecopark), huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống trạm biến áp, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống điện hạ thế và tủ điện phân phối, công tơ đếm điện. Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận. Trong quá trình kinh doanh, trường hợp phát sinh lỗ, Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng cam kết tự chịu chi phí để bù lỗ và được hạch toán chuyển lỗ năm sau.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp và Xây dựng Việt Trung (Bên A) theo Hợp đồng số 01/2021/HĐHT ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: Hợp tác quản lý, vận hành, kinh doanh bán điện tại dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu tái định cư Bắc Sông Cấm. Thời gian hợp tác lâu dài và theo từng giai đoạn. Bên A ủy quyền cho Công ty thực hiện các thủ tục để xin cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn Dự án các khu tái định cư Bắc Sông Cấm, hạch toán doanh thu, chi phí của hoạt động kinh doanh. Lãi/Lỗ do quá trình kinh doanh điện tại Dự án mang lại sẽ được phân chia cho đối tác theo thỏa thuận. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp và Xây dựng Việt Trung đã ngừng hoạt động và hai bên đang làm thủ tục bàn giao liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 161/2023/HĐHTKD/PQC-HP ngày 15 tháng 11 năm 2023 với Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc tại “Dự án Khu đô thị Gateway”, “Dự án Cáp treo và Quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm - Phú Quốc”, “Dự án Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp Bãi Khem Mặt trời Phú Quốc” và “Dự án khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp Premier Village Phú Quốc Resort”. Theo hợp đồng, Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống trạm biến áp đầu tư trọn bộ, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối); Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc đã ngừng hoạt động và hai bên đang thực hiện các thủ tục thanh quyết toán chi phí phát sinh.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 152/2024/HĐHTKD/VIETLAO-DNC ngày 04 tháng 9 năm 2024 với Công ty Cổ phần Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế Việt Lào (Bên A), hợp tác để thực hiện kinh doanh điện hệ thống điện do Bên A đã đầu tư tại Dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội tại và Dự án mở rộng dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế Việt Lào kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống trạm biến áp trọn bộ; hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế tủ điện phân phối, công tơ đo đếm điện; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2025/HĐHTKD/XT-DNC ngày 31 tháng 3 năm 2025 với Công ty TNHH Xuân Trường Hoàn Bò (Bên A), hợp tác để thực hiện kinh doanh điện hệ thống điện do Bên A đã đầu tư tại Dự án Cụm công nghiệp Hoàn Bò tại xã Thông Nhất, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Theo hợp đồng, Công ty kinh doanh bằng tài sản của Bên A đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống trạm biến áp trọn bộ; hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế tủ điện phân phối, công tơ đo đếm điện; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận.

34. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KHOÁ SỔ

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, Công ty quyết định thông qua tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2025 mới mức tạm ứng bằng 15%/cổ phiếu (01 cổ phần nhận được 1.500 đồng) bằng tiền với thời gian chi trả dự kiến ngày 01 tháng 4 năm 2026 theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT.

Nguyễn Thị Lý
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Mai Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh
Tổng Giám đốc